

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 19/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Thái

Ông Đoàn Văn Lắm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 49/2024/TLST - DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130a/2024/QĐXXST – DS ngày 29/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 95a/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà [Huỳnh Thị Ngọc G](#), sinh năm 1980;

Địa chỉ: [khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông [Phan Văn D](#), sinh năm 1989;

Địa chỉ: [ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

Bị đơn: Ông [Bùi Văn Tiến A \(T\)](#), sinh năm 1980;

Địa chỉ: [khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà [Đỗ Thị Huỳnh M](#), sinh năm 1991;

Địa chỉ: [khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

(Ông [Phan Văn D](#) có đơn xin xét xử vắng mặt; ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Phan Văn D](#) trình bày:

Từ năm 2018 bà [Huỳnh Thị Ngọc Giàu c](#) thỏa thuận mua bán thuốc thú y (thuốc cho gà) cho vợ chồng ông [Bùi Văn Tiến A](#) và bà [Đỗ Thị Huỳnh M](#). Các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói là trả tiền mặt, nếu có nợ thì khi bán gà xong phải thanh toán cho bà [G](#). Đến tháng 11/2019 hai bên ngưng mua bán với nhau, bà [G](#) nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) thanh toán số tiền còn nợ nhưng vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) không trả tiền nên nay bà [G](#) khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) liên đới trả số tiền mua thuốc thú y chăn nuôi còn thiếu là 21.523.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi bà [G](#) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thì phía vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) có đến nhà trả cho bà [G](#) hai lần tiền, mỗi lần trả 2.000.000 đồng. Do đó, nay bà [G](#) xin rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền 4.000.000 đồng, chỉ yêu cầu vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) liên đới trả số tiền còn thiếu là 17.523.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông [Bùi Văn Tiến A](#) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan [Đỗ Thị Huỳnh M](#) được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 và căn cứ vào khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận của [Công an thị trấn P](#) thì ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại [thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre](#) nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn thì vào khoảng năm 2018 giữa nguyên đơn với vợ chồng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) có thỏa thuận với nhau về việc mua bán thuốc thú y cho gà, việc mua bán này chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có lập thành văn bản nhưng có lập sổ theo dõi. Tháng 11/2019 hai bên ngưng mua bán với nhau do ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) thiếu tiền mua thuốc cho gà nhưng không thanh toán. Sau khi ngưng mua bán có tiến hành chốt sổ và ông [T](#) có đại diện ký tên xác nhận số tiền còn nợ là 21.523.000 đồng. Sau khi nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thì phía ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) có trả cho nguyên đơn 4.000.000 đồng. Do đó, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) cùng liên đới trả số tiền còn thiếu là 17.523.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ toàn bộ hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp cho ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) và nhiều lần mời ông bà đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) không đến. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) cung cấp chứng cứ để chứng minh ông bà không có thiếu nguyên đơn số tiền nêu trên nhưng phía ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Xét thấy hợp đồng mua bán thuốc thú y chăn nuôi gà giữa nguyên đơn và bị đơn là thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên. Khi kết thúc hợp đồng mua bán các bên cũng có tiến hành chốt sổ mua bán với nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, có biết việc mình đang bị khởi kiện ở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhưng phía ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) không đến Tòa án theo các giấy mời của Tòa. Tuy nhiên, ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) đã thể hiện thiện chí của mình, có liên hệ với nguyên đơn và trả số tiền 4.000.000 đồng. Điều chứng tỏ ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) đã mặc nhiên thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là đúng và có tự nguyện trả trước một phần nợ cho nguyên đơn.

[3.4] Đồng thời, hiện nay theo trình bày của nguyên đơn thì ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) vẫn còn chung sống với nhau, vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng, việc ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) mua thức ăn chăn nuôi là để tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình từ việc chăn nuôi hàng ngày. Do đó, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) nên việc buộc vợ chồng ông bà cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[3.5] Thấy rằng, ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) là vợ chồng, cùng đồng lòng mua thuốc thú y chăn nuôi của bà [G](#), việc mua thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình nhưng ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên mua làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên bán. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 17.523.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông [Tiến A1](#) và bà [M](#) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 17.523.000 đồng x 5% = 876.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Ngọc G](#) đối với số tiền 4.000.000 đồng.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Ngọc G](#).

Buộc ông [Bùi Văn Tiến A \(T\)](#) và bà [Đỗ Thị Huỳnh M](#) có nghĩa vụ liên đới trả cho bà [G](#) tổng số tiền mua thuốc thú y chăn nuôi còn nợ là 17.523.000 đồng.

Ghi nhận bà [Huỳnh Thị Ngọc G](#) tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông [Bùi Văn Tiến A \(T\)](#) và bà [Đỗ Thị Huỳnh M](#) có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông [Bùi Văn Tiến A \(T\)](#) và bà [Đỗ Thị Huỳnh M](#) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 876.000 đồng.

Hoàn trả cho bà [Huỳnh Thị Ngọc G](#) số tiền tạm án phí đã nộp là 538.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003123 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

[4] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Minh

